

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, HDB

[Cập nhật công ty]

VNM

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ sau đó.

08/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,101.32	-0.74
VN30	1,092.46	-1.20
HĐTL VN30F1M	1,089.00	-0.82
HNXIndex	226.78	-1.54
HNX30	418.42	-2.10
UPCoM	84.02	-0.64
USD/VND	23,495	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.08	+1
Lãi suất qua đêm (%)	3.03	-44
Dầu (WTI, \$)	72.46	-0.10
Vàng (LME, \$)	1,947.39	+0.38



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,101.32 (-0.74%)
KLGD (triệu CP) 1,211.6(+33.5%)
GTGD (triệu US\$) 1,008.3(+31.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VNM (-1.1%), GEX (-5.8%) và HCM (-3.5%).

HNXIndex 226.78 (-1.54%)
KLGD (triệu CP) 150.2 (+28.4%)
GTGD (triệu US\$) 106.2 (+36.8%)

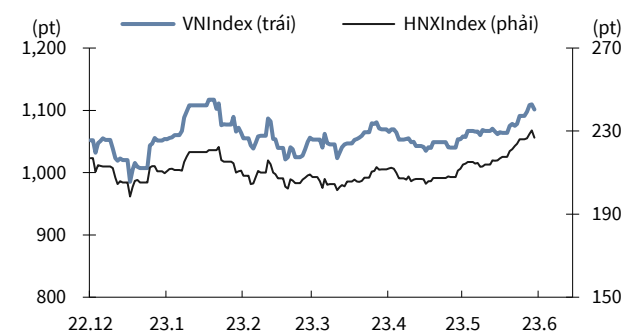
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng dầu Brent lùi 42 cent (tương đương 0.6%) xuống 76.29 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 41 cent (tương đương 0.6%) còn 71.74 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở BSR (+1.2%), PVC (+2.2%).

UPCoM 84.02 (-0.64%)
KLGD (triệu CP) 83.2 (+22.8%)
GTGD (triệu US\$) 39.9 (+24.5%)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Năm ước đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 11.5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2,527.1 nghìn tỷ đồng, tăng 12.6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8.3%. Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá ở DGW (+1.88%), FRT (+0.35%).

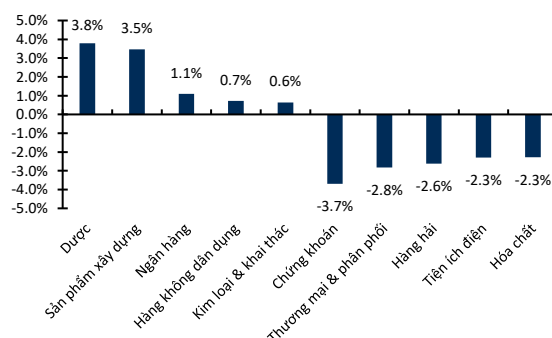
ĐTNN mua ròng (triệu US\$) -11.8

VNIndex & HNXIndex



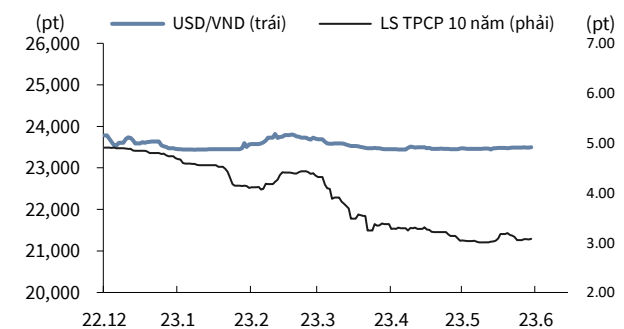
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



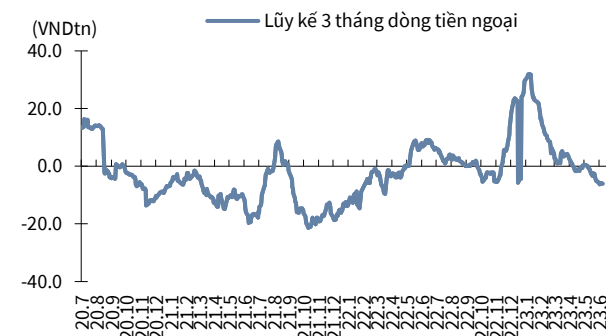
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



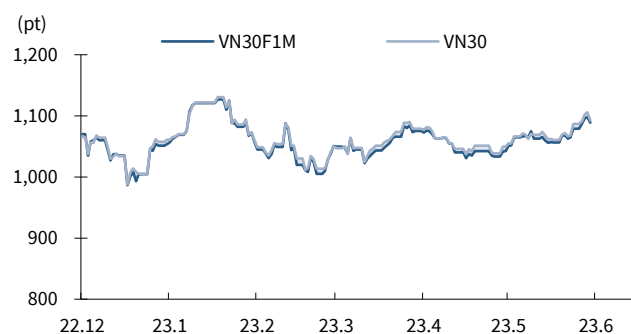
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,092.46 (-1.20%)
VN30F1M	1,089.0 (-0.82%)
Mở cửa	1,099.1
Cao nhất	1,100.4
Thấp nhất	1,089.0
KLGD (HĐ)	147,698 (-7.3%)

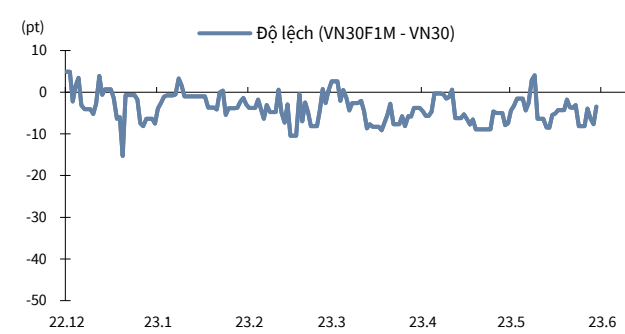
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại -7 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -7.1 điểm và đóng cửa tại -3.5 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



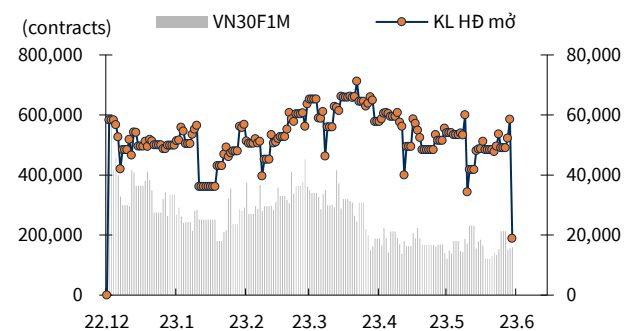
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



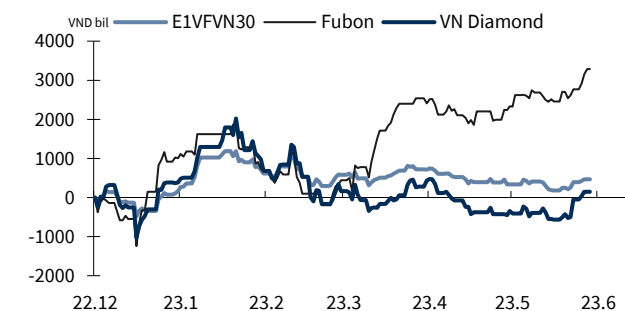
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

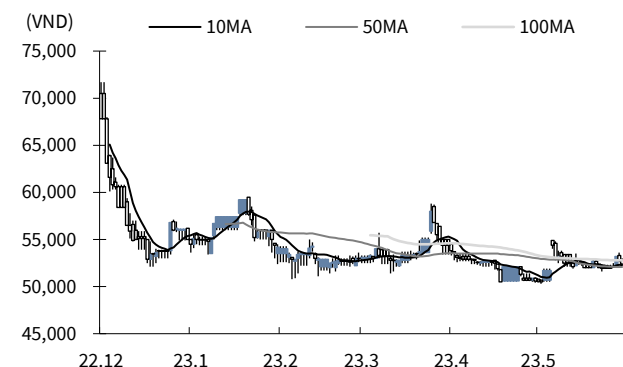
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Vingroup (VIC)

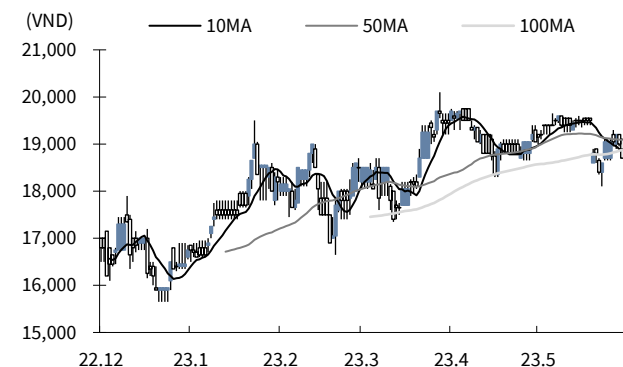


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm 0.8% xuống 52,400 VND/cp

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup mới đây đã công bố thông tin về việc chào bán 2 lô trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 10,000 tỷ đồng nhằm mục đích cho VinFast vay thực hiện dự án tại khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Tp.Hải Phòng. Thời gian phát hành dự kiến trong quý III và quý IV/2023 hoặc quý I/2024.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB giảm 1.6% xuống 18,700 VND/cp

- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM vừa cho biết đã nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận cho HDBank tăng vốn điều lệ thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu. Theo đó, NHNN chấp thuận cho HDBank tăng vốn điều lệ thêm tối đa 3,772 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế.

CTCP Sữa Việt Nam (VNM)

Tiếp tục gặp khó trong thị trường cạnh tranh

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

07/06/2023

KQKD 1Q2023 khả quan bất chấp những khó khăn của nền kinh tế

Kết thúc 1Q2023, VNM đạt doanh thu thuần 13,954 tỷ đồng tăng nhẹ 0,1% mặc dù nền kinh tế gặp khó khăn, sức mua còn rất yếu, chấm dứt 3 quý liên tiếp tăng trưởng doanh thu âm. Mặc dù vậy BLNG vẫn duy trì ở mức khá thấp 38.8% do lượng hàng tồn kho giá cao từ những quý trước vẫn còn, chúng tôi dự đoán BLNG của VNM sẽ tăng nhẹ ở những quý tiếp theo. LNST chỉ đạt 1,906 tỷ đồng (-16.5% yoy) do nhiều chi phí như chi phí lãi vay, SG&A nhẹ trong kỳ.

Thị trường nội địa tiếp tục gặp khó, doanh thu tiếp tục đi ngang như dự đoán

Thị trường nội địa tiếp tục gặp nhiều khó khăn như chúng tôi đã dự báo, sức mua suy giảm nên mặc dù là mặt hàng thiết yếu nhưng VNM cũng không tránh khỏi khó khăn. Tổng doanh thu nội địa đạt 11,491 tỷ đồng (MCM đạt 734 tỷ đồng) giảm nhẹ 1% yoy. Điểm sáng nằm ở MCM tiếp tục tăng trưởng ổn định, cửa hàng Giấc Mơ Sữa Việt bắt đầu đạt hiệu quả với 652 cửa hàng trên toàn quốc.

Thị trường nước ngoài hồi phục khả quan nhưng chưa thể đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu

Doanh thu nước ngoài đạt 1.225 tỷ đồng (+7,5% yoy) chấm dứt đà giảm. Thị trường xuất khẩu hồi phục trên nền thấp với nhu cầu trở lại của thị trường Trung Đông, sữa VNM dần được ưa chuộng tại các thị trường châu Á. Các chi nhánh nước ngoài đều tăng trưởng ổn định, AngkorMilk tại Campuchia tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số.

Khuyến nghị: **NẮM GIỮ** - Giá mục tiêu 72.000 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của VNM với doanh thu thuần đạt 62,536 tỷ đồng (+4% yoy), LNST đạt 8,929 tỷ đồng (+4.1% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu VNM với giá mục tiêu 72.000 VND/cổ phiếu.

NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu 72.000 VND

Tăng/giảm (%)	9%
Giá hiện tại (7/6/2023)	66.200VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	139/5.9

Dự phóng KQKD & định giá

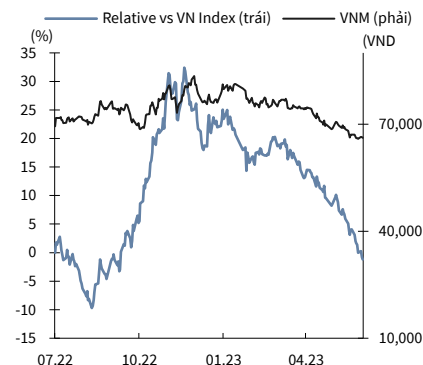
	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	60,919	59,956	62,356	66,259
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	11,760	9,753	9,730	10,986
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	10,633	8,578	8,929	10,001
EPS (nghìn VND)	4,517	3,632	4,243	4,756
Tăng trưởng EPS (%)	-5%	-20%	17%	12%
P/E (x)	14.7	18.3	15.7	14.0
P/B (x)	3.9	4.2	3.9	3.8
ROE (%)	30%	25%	26%	28%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	35%	52%	40%	40%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	44%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	195/8.3
Sở hữu nước ngoài	55.63%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-5	-14	-18	-17
Tương đối	-10	-19	-25	9



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

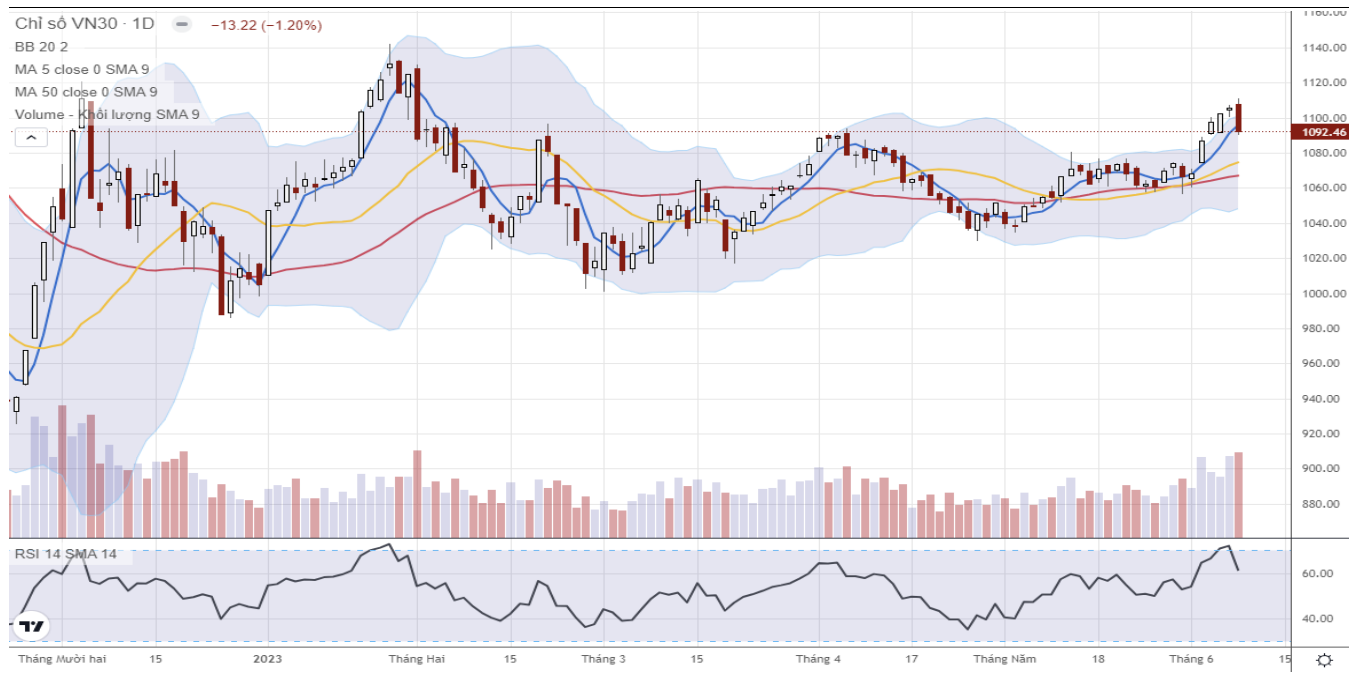
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và lao dốc về cuối phiên.
- Việc chỉ số đột ngột đảo chiều trong phiên cùng với thanh khoản gia tăng đột biến cho thấy những dấu hiệu của một phiên phân phối điển hình. Mặc dù vậy, ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1100 (+5) và sâu hơn là 1080 được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1100 – 1105

Kháng cự gần: 1092 – 1094

Hỗ trợ gần: 1083 – 1085

Hỗ trợ xa: 1077 – 1080

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành trong phiên, F1 dần suy yếu và lao dốc về cuối phiên.
- Việc chỉ số đột ngột đảo chiều trong phiên cùng với thanh khoản gia tăng đột biến cho thấy những dấu hiệu của một phiên phân phối điển hình. Mặc dù vậy, ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1077-1080 được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

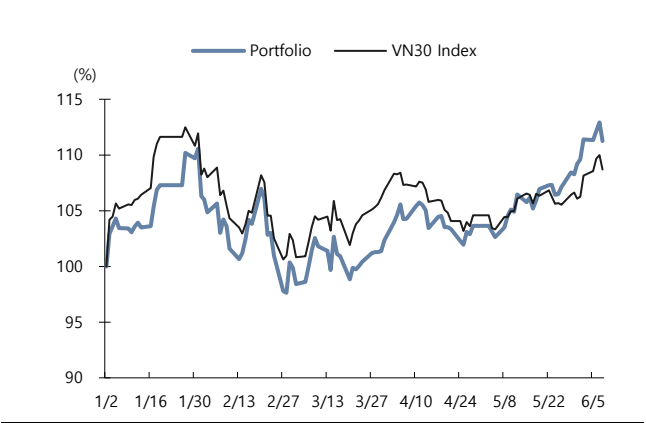
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.20%	-1.47%
Tăng lũy kế (YTD)	8.68%	11.25%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,650	-2.8%	5.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	24,300	-3.2%	16.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay kỷ lục lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,200	-0.6%	25.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	25,600	-2.5%	4.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,650	0.0%	14.9%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,600	-1.6%	244.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,550	-1.2%	51.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,600	-1.0%	27.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,800	0.9%	104.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	27,500	-2.8%	167.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.2%	24.4%	66.7
VCB	3.1%	23.6%	57.7
VIX	-0.9%	5.7%	56.8
HPG	0.9%	24.2%	51.8
VND	-6.0%	21.5%	24.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.1%	54.9%	-211.2
GEX	-5.8%	11.6%	-70.2
HCM	-3.5%	46.8%	-48.4
LPB	-2.3%	4.4%	-40.8
POW	0.4%	8.1%	-39.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.2%	1.1%	21.4
PVS	-1.3%	21.0%	14.2
CEO	-5.1%	4.7%	6.8
SHS	-3.2%	5.9%	3.1
DTD	-5.9%	5.9%	2.0
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SD5	-3.3%	6.6%	-1.8
PVI	0.0%	59.7%	-1.2
NVB	-4.4%	8.6%	-1.1
BVS	-4.9%	6.6%	-0.9
PVG	-1.1%	4.8%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	6.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thương mại & phân phối	5.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Ngân hàng	4.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Sản phẩm xây dựng	3.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dược	3.9%	DHG, IMP, TRA, DBD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-2.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng hải	-1.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Phụ tùng oto	-1.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Xây dựng và kỹ thuật	-0.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.6%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	21.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Máy móc	15.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	13.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	13.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích điện	12.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-6.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.7%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-3.6%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Đồ uống	-3.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bảo hiểm	-3.1%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	97,025 (4.1)	22.5	70.7	64.7	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	-0.8	0.8	2.9	-2.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	84,767 (3.6)	26.6	7.8	7.2	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	0.2	4.5	12.1	15.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	89,280 (3.8)	17.8	15.5	13.9	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-1.3	0.2	-2.0	2.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	275,321 (11.7)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-2.4	2.2	9.7	1.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	59,740 (2.5)	11.6	23.0	16.4	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	-0.2	3.4	1.5	14.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	281,537 (12.0)	13.9	35.4	26.7	-	2.8	3.6	-	-	-4.6	-4.3	8.6	13.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	63,654 (2.7)	6.3	13.9	12.1	11.7	23.0	21.0	2.8	2.3	3.1	6.5	7.5	25.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	32,527 (1.4)	12.7	11.4	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-1.5	-0.5	-2.2	13.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	136,009 (5.8)	0.0	5.4	4.7	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	-2.6	4.8	8.0	22.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	115,413 (4.9)	1.4	8.4	7.0	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	-1.2	2.1	2.3	4.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	201,817 (8.6)	0.0	8.8	6.7	18.8	12.6	12.5	1.1	0.9	-2.0	0.5	0.3	8.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	192,456 (8.2)	0.0	4.9	4.2	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	-1.7	6.4	9.6	17.0
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,393 (1.7)	4.2	4.6	4.5	23.3	24.2	20.7	1.1	0.9	-1.6	0.5	-2.6	17.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	457,068 (19.5)	14.0	7.3	4.3	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	-2.6	-1.4	7.6	22.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	134,030 (5.7)	0.0	6.4	5.5	37.4	20.1	19.9	1.1	0.9	-2.5	-2.1	10.1	21.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	93,132 (4.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-3.0	-0.2	9.8	-10.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,527 (1.2)	21.0	15.9	14.2	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	-1.2	1.0	-4.1	-5.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,801 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.6	-2.2	7.3	12.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	477,564 (20.3)	55.4	20.1	16.3	-3.2	8.3	10.2	-	-	-3.2	3.6	9.0	37.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	162,543 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-3.5	-2.4	3.8	46.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	158,196 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-3.5	-4.7	2.4	30.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	550,610 (23.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.0	-0.5	19.5	34.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	132,205 (5.6)	42.1	15.6	14.4	4.0	29.0	30.7	3.9	3.8	-1.1	-0.9	-7.0	-13.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,564 (0.8)	36.9	22.4	20.4	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	0.0	1.0	-4.0	-4.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	68,528 (2.9)	16.5	40.4	18.8	-51.9	8.0	12.9	3.7	3.8	-1.5	3.6	0.4	-20.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,351 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	0.2	14.1	-2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,886 (2.8)	11.0	84.0	45.6	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.6	-0.3	0.9	-11.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,176 (1.6)	10.8	12.2	16.1	-57.0	22.4	11.9	1.7	1.6	-2.0	-2.0	-1.0	10.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	141,622 (6.0)	38.4	14.1	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	-3.6	0.3	20.2	36.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	288,613 (12.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-5.8	8.5	28.8	44.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	38,043 (1.6)	3.6	24.0	20.2	-52.4	2.5	2.8	-	-	-0.2	2.3	11.0	99.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	38,099 (1.6)	0.0	10.9	10.4	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	-1.7	1.1	6.7	-0.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	44,633 (1.9)	46.1	15.5	15.4	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	-1.0	1.7	0.5	-7.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,203 (0.9)	31.4	12.1	11.8	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	-0.8	-1.7	5.0	12.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,817 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-0.9	4.5	3.2	28.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	436,513 (18.6)	18.0	14.6	10.6	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	0.9	6.5	5.6	26.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	74,520 (3.2)	36.5	8.7	9.9	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	-0.9	4.1	-0.2	-23.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	72,807 (3.1)	46.5	11.2	8.3	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.2	-2.5	3.3	5.7	-6.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	260,332 (11.1)	38.9	-	13.5	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.7	-2.4	7.6	4.8	41.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	68,795 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.1	-0.9	10.6	67.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,181 (1.2)	4.6	16.0	14.1	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	-1.5	2.3	1.3	20.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	139,279 (5.9)	39.9	19.0	12.7	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.8	-3.3	-1.0	11.6	32.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	65,514 (2.8)	35.9	7.5	6.9	2.2	14.8	14.3	1.0	0.9	-2.3	-0.5	2.4	-4.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	105,943 (4.5)	0.0	20.7	11.3	14.4	11.1	18.3	2.3	2.0	-2.8	3.4	7.4	-5.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	29,471 (1.3)	0.0	13.5	11.0	2.4	20.5	22.0	2.4	2.1	-0.6	2.7	-4.9	-19.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,743 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	10.6	36.5	52.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	40,576 (1.7)	30.3	44.4	18.4	-75.2	-	14.1	3.4	2.8	-0.5	1.4	3.6	-4.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,851 (1.4)	34.6	10.6	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-3.2	-2.9	10.3	17.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,036 (0.3)	45.4	12.4	11.5	10.7	25.6	24.6	3.1	2.6	5.2	4.4	2.6	39.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	73,669 (3.1)	0.0	15.4	12.7	15.5	27.5	27.9	3.8	3.3	-1.6	0.1	6.5	8.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.